

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HS-ST
Ngày 15-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

Bà Trần Ngọc Tường Vi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Xuân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/ĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1989 tại Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình; nơi đăng ký tạm trú: Tổ 6A, ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Q và bà Phạm Thị B; bị cáo có vợ tên Võ Thị D, có 01 người con sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 31/7/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử về tội Trộm cắp tài sản, mức án 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng theo Bản án số 40/2007/HSST. Đã xóa án tích.

- Ngày 15/3/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử về tội Trộm cắp tài sản, mức án 30 tháng tù theo Bản án số 10/2018/HS-ST. Đã xóa án tích.

Bị tạm giữ từ ngày 19/12/2022 đến ngày 27/12/2022. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Trần Thị Ngọc P, sinh năm 1984; Hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Vũ Công T1, sinh năm 1986; Hộ khẩu thường trú: Tổ 3, khu phố P, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1984. Hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Văn T có anh ruột tên Phạm Văn T2, sinh năm 1984 ngụ tại ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Khoảng năm 2016, bị cáo đến xã M làm thuê cho Công ty chế biến mủ cao su Quốc Toàn và Công ty chế biến mủ cao su Mai T2. Sau đó, bị cáo đến phường T, Quận 12, T phố Hồ Chí Minh để đi làm phụ hồ. Đến ngày 03/8/2022, bị cáo đón xe khách từ T phố Hồ Chí Minh đến nhà ông Phạm Văn T2. Lúc này, khoảng 20 giờ cùng ngày, nhà ông T2 không có ai ở nhà, nhà không có cửa sau nên bị cáo vào nhà ăn cơm và nghỉ ngơi. Do bị cáo không có xe và điện thoại nên nảy sinh ý định trộm xe mô tô làm P tiện đi lại. Đến khoảng 02 giờ ngày 04/8/2022, bị cáo lấy 01 cái tua vít cán màu xanh và 01 con dao loại dao thái cán màu vàng có sẵn tại nhà ông T2, T đi bộ đến lô cao su của Công ty Mai T2 thì phát hiện 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ đen, biển số 61H1-257.33, số máy C6J116547, số khung C6J0FY116549, dung tích 110 cm³ của bà Trần Thị Ngọc P không người trông coi, bị cáo lén lút dùng tua vít để cạy ổ khóa điện xe mô tô, khởi động xe chạy về gần nhà ông T2 rồi ném cái tua vít và con dao xuống suối gần đó, sau đó bị cáo chạy về nhà trọ ở Thành phố Hồ Chí Minh và sử dụng xe này để đi làm.

Sau khi trộm cắp được xe mô tô biển số 61H1-257.33, bị cáo thấy anh trai tên Phạm Văn L, sinh năm 1986, hộ khẩu thường trú: Xóm 3, xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình, tạm trú tại phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (cách nơi ở của bị cáo khoảng 500 mét) không có xe đi làm nên bị cáo nảy sinh ý định tìm trộm thêm 01 chiếc xe mô tô khác để cho ông L sử dụng. Với ý định trên, đến ngày 24/8/2022, bị cáo đón xe khách từ Thành phố Hồ Chí Minh đến nhà ông Phạm Văn T2, lúc này khoảng 21 giờ cùng ngày, nhà ông T2 không có ai ở nhà nên bị cáo ngủ tại nhà ông T2. Đến khoảng 02 giờ ngày 25/8/2022, bị cáo lấy cái tua vít cán màu vàng có sẵn tại nhà ông T2 rồi đi bộ đến Công ty chế biến mủ Minh Thanh Phát thuộc ấp T, xã M, bị cáo nhìn thấy cửa Công ty không khóa và không có người trông coi nên đi vào bên trong. Bị cáo nhìn thấy 01 xe mô tô hiệu Honda, số loại Sonic 150R, màu trắng đỏ đen, biển số 93E1-294.15, số khung MH1KB1116MK294947, số máy KB11E1284674 của ông Vũ Công T1 nên lén lút đến đẩy chiếc xe mô tô này ra ngoài Công ty, dùng tua vít cạy ổ

khóa điện rồi khởi động xe chạy về Thành phố Hồ Chí Minh. Trên đường đi, bị cáo làm rơi cái tua vít ở đâu không xác định. Sau khi trộm được 02 chiếc xe, bị cáo dùng biển số xe Sirius gắn vào xe Sonic, biển số xe Sonic gắn vào xe Sirius để không bị phát hiện. Đến đầu tháng 09/2022, bị cáo đem chiếc xe hiệu Sirius mang biển số 93E1-294.15 (biển số của xe mô tô Sonic) đến nhà trọ của ông L và đưa xe cho ông L. Bị cáo nói với ông L là xe mô tô này bị cáo mua của người bạn, ông L tin tưởng nên đồng ý. Riêng chiếc xe hiệu Sonic gắn biển số 61H1-257.33 (biển số của xe mô tô Sirius), bị cáo sử dụng làm phương tiện đi lại. Đến đầu tháng 12/2022, bị cáo đi về quê tại thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Đến ngày 16/12/2022, ông L điều khiển xe mô tô Sirius mang biển số 93E1-294.15 (biển số của xe mô tô Sonic) đi đến nhà ông Phạm Văn T2 để ở và đi làm thuê thì bị ông Vũ Công T1 phát hiện biển số xe mô tô Sonic của mình gắn vào xe mô tô Sirius nên đến Công an xã Minh Thạnh trình báo. Công an xã Minh Thạnh đã tiến hành xác minh, triệu tập ông L làm việc. Đến ngày 19/12/2022, bị cáo đến Công an xã Minh Thạnh đầu thú và giao nộp chiếc xe hiệu Sonic gắn biển số 61H1-257.33 (biển số của xe Sirius) cho Công an xã Minh Thạnh và khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại: Sirius, màu sơn Đen - đỏ, biển số: 61H1-257.33, số máy: 5C6J116547, số khung: C6J0FY116549.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại: SONIC 150R, màu sơn Trắng đỏ đen, biển số: 93E1-294.15, số máy: KB11E1284674, số khung: MH1KB1116MK284917.

Đối với công vụ phạm tội là 02 cái tua vít (01 cái cán màu xanh và 01 cái tua vít cán màu vàng) và 01 con dao loại dao thái cán màu vàng không thu hồi được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 41/KLĐGTS ngày 27/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Dầu Tiếng kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại: Sirius, màu sơn Đen - đỏ, biển số: 61H1 - 257.33, số máy: 5C6J116547, số khung: C6J0FY116549 mua vào năm 2015 đã qua sử dụng, đã khấu hao thời gian sử dụng thiệt hại vào ngày 04/8/2022 trị giá 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại: SONIC 150R, màu sơn Trắng đỏ đen, biển số: 93E1-294.15, số máy: KB11E1284674, số khung: MH1KB1116MK284917 mua vào năm 2021 đã qua sử dụng, đã khấu hao thời gian sử dụng thiệt hại vào ngày 27/8/2022 trị giá 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng). Tổng tài sản thiệt hại là 49.000.000 đồng.

- Trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

+ Trách nhiệm dân sự: Người bị hại Trần Thị Ngọc P và Vũ Công T1 đã nhận lại xe mô tô và không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

+ Biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự:

Ngày 31/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả xe mô tô biển số 61H1-257.33 cho bị hại bà Trần Thị Ngọc P và trả xe mô tô biển số 93E1-294.15 cho bị hại ông Vũ Công T1 theo Quyết định xử lý vật chứng số 01/QĐ-CSHS ngày 29/12/2022.

Đối với công cụ phạm tội là 02 cái tua vít (01 cái cán màu xanh và 01 cái tua vít cán màu vàng) và 01 con dao loại dao thái cán màu vàng của ông Phạm Văn T2, ông T2 không có yêu cầu bồi thường nên không đề cập xử lý.

Tại Cáo trạng số 35/CT-VKSDT ngày 23/5/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi trả cho bị hại, sau khi bị phát hiện đã ra đầu thú. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đề nghị áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Trong phần tranh luận, bị cáo cho rằng mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị là nặng so với hành vi bị cáo đã thực hiện. Lời nói sau cùng, bị cáo hối hận về việc đã làm, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị hại Trần Thị Ngọc P và Vũ Công T1 trình bày đã nhận lại toàn bộ tài sản nên không yêu cầu bồi thường gì thêm và có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Phạm Văn T2 không yêu cầu bồi thường đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa,

bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T khai nhận: Trong tháng 8/2022, bị cáo hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Lần thứ nhất, vào khoảng 02 giờ 00 phút ngày 04/8/2022, tại lô cao su của Công ty Mai Thảo thuộc ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương, bị cáo đã lén lút lấy trộm chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ đen, biển số 61H1- 257.33, số máy C6J116547, số khung: C6J0FY116549, dung tích 110cm³ của bà Trần Thị Ngọc P. Lần thứ hai, vào khoảng 02 giờ 00 phút ngày 25/8/2022, tại Công ty chế biến mủ Minh Thanh Phát thuộc ấp T, xã M, huyện D tỉnh Bình Dương, bị cáo đã lén lút lấy trộm chiếc xe mô tô hiệu Honda, số loại Sonic 150R, màu trắng đỏ đen, biển số: 93E1-294.15, số khung: MH1KB1116MK294947, số máy: KB11E1284674 của ông Vũ Công T1. Sau khi lấy trộm được 02 chiếc xe, bị cáo hoán đổi biển số kiểm soát của hai xe với nhau rồi giao cho anh trai tên Phạm Văn L chiếc xe Sirius mang biển số: 93E1-294.15 (biển số của xe mô tô Sonic); bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sonic gắn biển số 61H1 - 257.33 (biển số của xe mô tô Sirius) cho đến khi bị phát hiện và ra đầu thú.

Tại Kết luận định giá tài sản số 41/KLĐGTS ngày 27/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Dầu Tiếng kết luận 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại: Sirius, màu sơn Đen - đỏ, biển số: 61H1 - 257.33, số máy: 5C6J116547, số khung: C6J0FY116549 mua vào năm 2015 đã qua sử dụng, đã khấu hao thời gian sử dụng thiệt hại vào ngày 04/8/2022 trị giá 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại: SONIC 150R, màu sơn Trắng đỏ đen, biển số: 93E1-294.15, số máy: KB11E1284674, số khung: MH1KB1116MK284917 mua vào năm 2021 đã qua sử dụng, đã khấu hao thời gian sử dụng thiệt hại vào ngày 27/8/2022 trị giá 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng). Tổng tài sản thiệt hại là 49.000.000 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, đủ cơ sở kết luận Cáo trạng số 35/CT-VKSDT ngày 23/5/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về nhận thức, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ tư lợi mà bất chấp pháp luật. Lợi dụng đêm tối, lén lút lấy trộm để không bị phát hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm

phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa phương. Chỉ trong một thời gian ngắn, bị cáo hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Về nhân thân, bị cáo từng hai lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, thế nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng làm người lương thiện mà tiếp tục phạm tội. Do vậy cần phải xử bị cáo với mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã ra đầu thú, tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về việc áp dụng hình phạt bổ sung: Bị cáo phải chấp hành mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Ngày 31/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả xe mô tô biển số 61H1-257.33 cho bị hại Trần Thị Ngọc P và trả xe mô tô biển số 93E1-294.15 cho bị hại Vũ Công T1 theo Quyết định xử lý vật chứng số 01/QĐ-CSHS ngày 29/12/2022 là đúng quy định. Đối với công cụ phạm tội là 02 cái tua vít (01 cái cán màu xanh và 01 cái tua vít cán màu vàng) và 01 con dao loại dao thái cán màu vàng của ông Phạm Văn T2 không thu hồi được nên không xem xét xử lý.

[6] Trách nhiệm dân sự:

[6.1] Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phạm Văn T2 không yêu cầu bị cáo bồi thường đối với 02 tua vít và 01 con dao do bị cáo lấy tại nhà ông T2 dùng làm công cụ phạm tội nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị về tội danh, điều luật, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 268, 269, 290, 292, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/12/2022 đến ngày 27/12/2022.

2. Trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/6/2023).

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Cơ quan CSĐT - CA H. Dầu Tiếng;
- Cơ quan THAHS&HTTT-CAH.Dầu Tiếng;
- CC. THADS huyện Dầu Tiếng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Lan